

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 17-6-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hà và ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 17/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Th - sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện N, tỉnh T - Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Mai Thị Q -sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 3, xã Tr, huyện N, tỉnh T - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chị Mai Thị Th trình bày: Do có mối quan hệ họ hàng (chị Q là cháu họ), ngày 08/12/2017 (âm lịch), tức ngày 24/01/2018 (dương lịch), chị Q có hỏi vay chị số tiền 50.000.000đ. Ngày 21/12/2017 (âm lịch) tức ngày 06/02/2018 (dương lịch), chị Q tiếp tục vay chị số tiền 50.000.000đ. Ngày 05/7/2018 (dương lịch), chị Q tiếp tục vay chị số tiền 40.000.000đ để đảo sổ ngân hàng, hẹn đến ngày 05/9/2018 sẽ trả. Tổng số tiền chị Q vay của chị (bằng ba lần như trên) là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Cuối năm 2018, chị Th có nợ chị Q tiền mái tôn lập nhà với số tiền 20.000.000đ nên chị trừ đi số tiền 20.000.000đ và chị Q mang đến trả cho chị số tiền 15.000.000đ. Tổng cộng, chị Q đã trả cho chị số tiền 35.000.000đ, chị Q còn nợ lại chị số tiền 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng). Đến các lần hẹn trả nợ, chị có yêu cầu chị Q phải trả số tiền này nhưng chị Q không chịu trả mà còn có ý dây dưa, trốn tránh và thể hiện thái độ không tôn trọng chị. Nay chị yêu cầu Tòa án buộc

chị Mai Thị Q phải trả cho chị tổng số tiền nợ gốc là 105.000.000đ; tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

* Ý kiến của bị đơn chị Mai Thị Q trình bày: Chị thừa nhận có vay tiền của chị Mai Thị Th, vay 03 lần, cụ thể số tiền trong bà hợp đồng cho vay tiền mà chị Th đã giao nộp cho Tòa án với tổng số tiền là 140.000.000đ nhưng chị đã trả cho chị Th 02 lần với tổng số tiền là 35.000.000đ vào cuối năm 2018 (trong đó chị Th lấy vật liệu của nhà chị để về lợp mái tôn tính thành tiền là 20.000.000đ và chị đã trả tiền mặt cho chị Th là 15.000.000đ). Nay chị Th yêu cầu chị trả số tiền nợ gốc còn lại là 105.000.000đ chị cũng nhất trí. Nhưng do điều kiện đang khó khăn nên chị Q xin khất nợ. Về lãi suất chị Th yêu cầu tính lãi 1%/tháng tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, chị Q cũng nhất trí nhưng do điều kiện khó khăn chị xin chị Th phần lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án: Đối với bị đơn chị Mai Thị Q, Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Q vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, tại các bản tự khai chị Q đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về các lần vay tiền và tổng số tiền nợ gốc mình đang còn nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Mai Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chị Q phải trả số tiền gốc là 105.000.000đ và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Mai Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị và chị Mai Thị Q. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn chị Mai Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q.

[2] Xét ý kiến của nguyên đơn: Do có mối quan hệ họ hàng nên chị Th đã tin tưởng và cho chị Q vay 03 lần tiền để giải quyết công việc, cụ thể các lần vay tiền như sau: Ngày 08/12/2017 (âm lịch), tức ngày 24/01/2018 (dương lịch), chị Q vay chị số tiền 50.000.000đ. Ngày 21/12/2017 (âm lịch) tức ngày 06/02/2018 (dương lịch), chị Q tiếp tục vay chị số tiền 50.000.000đ. Ngày 05/7/2018 (dương lịch), chị Q tiếp tục vay chị số tiền 40.000.000đ. Tổng số tiền chị Q vay của chị (bằng ba lần như trên) là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Khởi kiện tại Tòa án chị Th đã xuất trình 03 hợp đồng cho vay tiền, tổng số tiền phù hợp như nội dung đơn khởi kiện. Các hợp đồng cho vay tiền đều có ký xác nhận của bên vay, cùng điểm chỉ và chữ viết của chị Q.

Đối với hợp đồng cho vay tiền ngày 05/7/2018 có nội dung “Bà Mai Thị Th đồng ý cho ông Mai Văn B và vợ là bà Mai Thị Q vay số tiền 40.000.000đ”, chị Th trình bày việc chị Q có bàn bạc, thống nhất với chồng là anh Mai Văn B để vay chị số tiền 40.000.000đ trên hay không thì chị không rõ. Hợp đồng này không có chữ ký của anh B, chị Q là người trực tiếp giao dịch, trực tiếp viết, ký tên, điểm chỉ trong hợp đồng cho vay tiền và là người nhận tiền vay từ chị Th. Xét thấy sự cần thiết và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã đưa anh Mai Văn B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án: Tại bản tự khai ngày 15/4/2020 của chị Mai Thị Q khẳng định Hợp đồng vay tiền ngày 05/7/2018 chị là người trực tiếp viết, ký nhận, điểm chỉ và cũng một mình chị là người trực tiếp nhận tiền, chồng chị- anh Mai Văn B không liên quan, không biết việc giao dịch giữa chị và chị Th. Chị đề nghị Tòa án đưa anh B ra khỏi vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại bản tự khai, ngày 15/4/2020 của anh Mai Văn B khẳng định: Việc vay tiền trong hợp đồng cho vay tiền ngày 05/7/2018 giữa vợ anh (chị Q) với chị Th, anh không biết, anh không liên quan gì đến việc vay mượn này. Anh B đề nghị Tòa án đưa anh ra khỏi vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị Th cũng có ý kiến yêu cầu chị Q là người trực tiếp vay, trực tiếp nhận tiền thì mình chị Q phải có trách nhiệm trả nợ cho chị. Như vậy, hợp đồng cho vay tiền ngày 05/7/2018 chỉ có một mình chị Q giao dịch với chị Th nên anh Mai Văn B không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hạn vay quá hạn đã lâu, nhiều lần chị Th yêu cầu chị quang trả nợ nhưng chị Q không trả, chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Q phải trả cho chị số tiền gốc còn lại là 105.000.000đ và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bị đơn chị Mai Thị Q: Chị Q công nhận có vay tiền của chị Th 03 lần, bằng 03 hợp đồng cho vay tiền, tổng cộng số tiền vay là 140.000.000đ, nhưng chị đã trả được cho chị Th 02 lần với tổng số tiền 35.000.000đ, chị còn nợ lại chị Th số tiền 105.000.000đ, chị sẽ có trách nhiệm trả nợ cho chị Th. Về lãi suất, chị Th yêu cầu chị cũng nhất trí nhưng do điều kiện khó khăn nên chị xin chị Th phần lãi suất nhưng chị Th không nhất trí. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần xử buộc chị Q phải trả lại cho chị Th số tiền nợ gốc là 105.000.000đ, lãi suất 1%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc tính từ ngày 05/7/2018 cho đến ngày 17/6/2020 là: 105.000.000đ x 23 tháng 12 ngày. Tổng cộng là 105.000.000đ + 24.570.000đ = 129.570.000đ.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Th, buộc chị Mai Thị Q phải trả cho chị Th số tiền gốc là 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng) và số tiền lãi là 24.570.000đ (hai mươi tư triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), tổng cộng là 129.570.000đ (một trăm hai mươi chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Chị Mai Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.479.000 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho chị Mai Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0010686 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn.

Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Văn Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hà

Nguyễn Ngọc Bình

Tạ Văn Tuyên

